

Số: /GPMT-BQL

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 02/CV-GPMT ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Công ty TNHH Ebada Vina về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Công ty TNHH Ebada Vina”;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Ebada Vina địa chỉ trụ sở chính tại lô số 10-2C, đường 3A, khu công nghiệp Quốc tế Protrade, phường An Tây, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Công ty TNHH Ebada Vina” tại lô số 10-2C, đường 3A, khu công nghiệp Quốc tế Protrade, phường An Tây, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: “Công ty TNHH Ebada Vina”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô số 10-2C, đường 3A, khu công nghiệp Quốc tế Protrade, phường An Tây, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

1.3 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 3201241261 được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bình Dương cấp chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2016, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 10 ngày 15 tháng 8 năm 2024. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 3702523302 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 27 tháng 7 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 3702523302.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất cửa lùa, cửa nhựa, cửa sổ nhựa, cửa panel; Sản xuất chụp vít, ke đỡ máng nước; Sản xuất bịt mặt cắt tấm panel; Sản xuất phụ kiện đi kèm tấm panel; Sản xuất giá đỡ mái hiên; Sản xuất đinh vít dài.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án đã được triển khai tại lô số 10-2C, đường 3A, khu công nghiệp Quốc tế Protrade, phường An Tây, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam với tổng diện tích địa điểm thực hiện dự án là 4.905 m².

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (Theo quy định tại Luật Đầu tư công). Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 80.497.346.120 đồng.

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm II (Theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ).

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất cửa lùa, cửa nhựa, cửa sổ nhựa, cửa panel: Nguyên liệu → Cắt → Đục lỗ → Hàn → Lắp ráp phụ kiện → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất chụp vít, ke đỡ máng nước, giá đỡ mái hiên: Nguyên liệu → Đúc phun → Kiểm tra → Dán ron (đôi với chụp vít) → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất bịt mặt cắt tấm panel: Nguyên liệu → Cắt tấm lớn → Cắt tấm nhỏ → Cắt góc → Dập lần 1 → Dập lần 2 → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất phụ kiện đi kèm tấm panel: Nguyên liệu → Gia công (cắt/dập/uốn/hàn) → Lắp ráp phụ kiện → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

+ Quy trình sản xuất đinh vít dài: Nguyên liệu → Dập đầu vít → Dập mũi vít → Sen ren/cán ren → Xử lý nhiệt và Xi mạ (thuê đơn vị bên ngoài có chức năng) → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

- Công suất:

+ Cửa lùa: 120 sản phẩm/năm;

- + Cửa nhựa: 160 sản phẩm/năm;
- + Cửa sổ nhựa: 3.600 sản phẩm/năm;
- + Cửa panel: 200 sản phẩm/năm;
- + Chụp vít (nắp tròn (tường), chữ nhật (mái), lục giác, thông thường): 52.600.000 sản phẩm/năm;
- + Ke đỡ máng nước: 2.800.000 sản phẩm/năm;
- + Giá đỡ mái hiên: 48.000 sản phẩm/năm;
- + Bịt mặt cắt tấm panel: 800.000 sản phẩm/năm;
- + Phụ kiện đi kèm tấm panel: 300 tấn/năm;
- + Đinh vít dài: 4.320.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Ebada Vina:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Ebada Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Ebada Vina (Việt Nam);
- Sở TN&MT;
- UBND thành phố Bến Cát;
- Cổng Thông tin điện tử BQL các KCN Bình Dương;
- TB, các PTB;
- Lưu: VT, MT (Th).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Trương Văn Phong

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng.....năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Quốc tế Protrade để xử lý, không xả trực tiếp nước thải ra ngoài môi trường.

Thỏa thuận tiếp nhận nước thải giữa Công ty TNHH Ebada Vina và Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade (là chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Quốc tế Protrade).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh nhà bảo vệ được thu gom bằng ống PVC D140mm qua bể tự hoại sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh văn phòng được thu gom bằng ống PVC D140mm qua bể tự hoại sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh nhà xưởng được thu gom bằng ống PVC D140mm qua bể tự hoại sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp.

- Số điểm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Quốc tế Protrade: 01 điểm trên đường số 3A.

- Tọa độ vị trí đầu nối: $X = 1.227.773$; $Y = 586.420$.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ như sau: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Hồ ga đầu nối nước thải khu công nghiệp.

+ Tổng thể tích bể tự hoại: 13 m^3 (trong đó: 02 bể 5 m^3 , 01 bể 3 m^3)

+ Chế độ vận hành: Liên tục (24 giờ/ngày).

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Cần thường xuyên kiểm tra ống thoát khí của bể tự hoại, nếu phát hiện có hư hỏng hoặc bị nghẹt ống thoát khí thì Công ty phải nhanh chóng khắc phục và sửa chữa.

- Khi bể tự hoại có hiện tượng gây mùi khó chịu cần sử dụng các chế phẩm sinh học đổ vào bồn cầu để giảm thiểu mùi hôi.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại.

- Đối với trường hợp công trình xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng sản xuất để khắc phục sự cố.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép mới được xả thải. Hàng ngày, tiến hành kiểm tra một số chỉ tiêu chính của nước thải tại đầu ra để theo dõi các hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Nếu có vấn đề phát sinh, có biện pháp kịp thời để điều chỉnh hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống bơm nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Quốc tế Protrade, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước

thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Quốc tế Protrade để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư khu công nghiệp Quốc tế Protrade và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.6. Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.7. Thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các văn bản khác có liên quan theo quy định.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng.....năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ hoạt động của máy ép đùn 1;
- Nguồn số 02: Khí thải từ hoạt động của máy ép đùn 2;
- Nguồn số 03: Khí thải từ hoạt động của máy ép đùn 3;
- Nguồn số 04: Khí thải từ hoạt động của máy ép đùn 4;
- Nguồn số 05: Khí thải từ hoạt động của máy ép đùn 5;
- Nguồn số 06: Khí thải từ hoạt động của máy ép đùn 6;
- Nguồn số 07: Khí thải từ hoạt động của máy ép đùn 7;
- Nguồn số 08: Khí thải từ hoạt động của máy ép đùn 8.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 1 tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải số 1 (nguồn số 01, 02, 03, 04), tọa độ vị trí xả thải: $X = 1.227.798$; $Y = 586.443$.
- Dòng khí thải số 2 tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải số 2 (nguồn số 05, 06, 07, 08), tọa độ vị trí xả thải: $X = 1.227.799$; $Y = 586.445$.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất (Theo đề nghị và cam kết của Công ty):

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $4.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $4.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải số 01, 02: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục 24 giờ/ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01, 02				
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Propylenoxyt	mg/Nm ³	240		
3	Vinylclorua	mg/Nm ³	20		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn thải số 01, 02, 03, 04: Hơi nhựa phát sinh từ quá trình đúc phun được thu gom bằng chụp hút (0,4m × 0,3m) kết hợp với ống hút D100-250mm với kết cấu tole kẽm dày 1mm → Ống dẫn D350mm → Quạt hút → Hệ thống xử lý khí thải bằng tháp hấp phụ than hoạt tính có công suất 4.500 m³/giờ → Ống thải D350 (dòng khí thải số 01), cao 12m (tính từ mặt đất).

- Nguồn thải số 05, 06, 07, 08: Hơi nhựa phát sinh từ quá trình đúc phun được thu gom bằng chụp hút (0,4m × 0,3m) kết hợp với ống hút D100-250mm với kết cấu tole kẽm dày 1mm → Ống dẫn D350mm → Quạt hút → Hệ thống xử lý khí thải bằng tháp hấp phụ than hoạt tính có công suất 4.500 m³/giờ → Ống thải D350 (dòng khí thải số 02), cao 12m (tính từ mặt đất).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải số 01 (dòng khí thải số 01):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi nhựa → Chụp hút → Ống nhánh → Ống chính → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 4.500 m³/giờ.

- Thông số kỹ thuật:

+ Tháp hấp phụ than hoạt tính: Kích thước: LxBxH = 850x600x800 (mm).

+ Kích thước tấm than: LxBxH = 800x550x46 (mm).

- Vật liệu, hóa chất sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải số 02 (dòng khí thải số 02):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi nhựa → Chụp hút → Ống nhánh → Ống chính → Quạt hút → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 4.500 m³/giờ.

- Thông số kỹ thuật:

- + Tháp hấp phụ than hoạt tính: Kích thước: LxBxH = 850x600x800 (mm).
- + Kích thước tấm than: LxBxH = 800x550x46 (mm).
- Vật liệu, hóa chất sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Giám sát hệ thống xử lý bụi, khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

+ Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải số 01, công suất 4.500 m³/giờ (dòng khí thải số 01).

- Hệ thống xử lý khí thải số 02, công suất 4.500 m³/giờ (dòng khí thải số 02).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải số 01, tọa độ X = 1.227.798; Y = 586.443.

- Tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải số 02, tọa độ X = 1.227.799; Y = 586.445.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.6. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.7. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình sản xuất, xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

3.8. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.9. Thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương và các văn bản khác có liên quan.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng.....năm 2024
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy đúc phun 01, 02, 03, 04;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy đúc phun 05, 06, 07, 08;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy dập;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy cắt;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy se ren;
- Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải 01;
- Nguồn số 07: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải 02.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung

- Nguồn số 01: X: 1.227.736; Y: 586.452;
- Nguồn số 02: X: 1.227.737; Y: 586.453;
- Nguồn số 03: X: 1.227.732; Y: 586.451;
- Nguồn số 04: X: 1.227.737; Y: 586.451;
- Nguồn số 05: X: 1.227.737; Y: 586.455;
- Nguồn số 06: X: 1.227.798; Y: 586.443;
- Nguồn số 07: X: 1.227.799; Y: 586.445.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất; Chủ cơ sở đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị sẽ được nâng cấp đạt yêu cầu về kỹ thuật trước khi đưa vào hoạt động sản xuất do đó sẽ hạn chế được phần nào khả năng gây ồn.

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành. Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.

- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân.

- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ộp tai chống ồn.

- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.

- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngàytháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng dự kiến phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	5	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	100	17 02 04
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	100	18 01 02
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	50	18 01 03
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	320	18 02 01
7	Than hoạt tính thải	Rắn	1.050	12 01 04
TỔNG			1.635	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Thành phần	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy, bao bì thải (bao bì carton)	12 08 03	Rắn	100

STT	Thành phần	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
2	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH	11 04 03	Rắn	59.471
3	Nhựa và cao su	12 08 06	Rắn	2.614
4	Thủy tinh	12 08 07	Rắn	40
5	Thùng phuy nhựa	14 01 11	Rắn	800
6	Bao bì nilon thải	18 01 06	Rắn	100
7	Hộp chứa mực in	08 02 08	Rắn	2
Tổng				63.127

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	7.020
TỔNG		7.020

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần kiểm soát

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu giữ: Trang bị 07 thùng chứa loại 60 lít có nắp đậy dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

- Kho/khu vực lưu chứa: 3,6m² được bố trí tại khu vực cuối nhà máy phía bên ngoài nhà xưởng và định kỳ có đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng dịch vụ với tần suất thu gom phụ thuộc theo khối lượng rác phát sinh.

- Thiết kế, cấu tạo: Vách tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; kho có bố trí hố thu gom (kích thước 0,5m x 0,5m x 0,5m) đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo 40 cm mỗi chiều, trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 01 thùng 20 lít và 05 thùng loại 240 lít có nắp đậy, dán mã để lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và định kỳ được đơn vị có chức năng vào thu gom trực tiếp.

- Kho/khu vực lưu chứa: diện tích 15m² được bố trí tại khu vực cuối nhà máy phía bên ngoài nhà xưởng và định kỳ có đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng dịch vụ với tần suất thu gom phụ thuộc theo khối lượng rác phát sinh.

- Thiết kế, cấu tạo: Vách tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Công ty trang bị 06 thùng rác màu xám có nắp đậy loại 10 lít đặt tại nhà vệ sinh để chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý; 02 thùng rác màu xanh và vàng có nắp đậy loại 20 lít đặt tại khu vực nhà xưởng và văn phòng để thu gom chất thải thực phẩm và chất thải có khả năng tái chế. Để tập kết chất thải công ty trang bị: 01 thùng chứa màu xanh loại 120 lít có nắp đậy chứa chất thải thực phẩm; 01 thùng chứa màu vàng có nắp đậy loại 240 lít chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và 01 thùng chứa màu xám có nắp đậy loại 120 lít chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt khác phải xử lý đặt tại khu vực cuối nhà xưởng để tập kết rác và cuối ngày di chuyển ra cổng bảo vệ, bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 phù hợp với nội dung phòng ngừa

sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-BQL ngày.....tháng.....năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.